

Bản án số: 30 /2019/HS-ST

Ngày 21-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thiệu Khắc Yên.

2. Ông Lê Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thế V**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1989 tại xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Hồng Kỳ, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế B (đã chết), con bà: Đậu Thị T, sinh năm 1958, gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 9 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong;

Tiền án: Tại bản án số 20/2017/HSST bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 6 tháng tù giam (chấp hành án xong vào ngày 04/5/2017); tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2019 đến ngày 17/4/2019 thì chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Lê Thị G, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 2 xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 6 , xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn Hồng Kỳ, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N vắng mặt chị G và chị V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sang ngày 11/4/2019 Nguyễn Thế V từ nhà (thôn Hồng Kỳ, xã Hải Ninh, Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa) đi bộ sang nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (ở cùng thôn - là chị dâu của V) để mượn xe mô tô hiệu Honda Blade, BKS: 36B4-526.12 - là xe của chị N với mục đích đi trộm cắp tài sản bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe theo hướng tỉnh lộ 525 tới huyện Nông Cống; Tới khoảng 12 giờ 30 phút thì đi tới địa phận xã Trung Thành, huyện Nông Cống, V vừa điều khiển xe vừa quan sát xem có nhà dân nào sơ hở thì thực hiện trộm cắp tài sản: Khi thấy quán bán nước giải khát của gia đình chị Lê Thị G, sinh năm 1994 ở thôn 2, xã Trung Thành, huyện Nông Cống không có người trông coi nên V dừng xe lại đi vào trong nhà tìm tài sản, khi đi vào trong gian buồng ngủ V thấy chị G đang ngủ trên giường, bên cạnh để 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy J7 Prime màu đen nên đã lấy chiếc điện thoại rồi điều khiển xe mô tô ra hướng xã Trung Chính. Khi đi qua quán bán tranh thêu của gia đình chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990 ở thôn 6, xã Trung Chính, huyện Nông Cống, V quan sát thấy cửa nhà chị V1 không khóa, nên đã dừng xe lại đi vào trong nhà tìm tài sản thì thấy chị V1 đang nằm ngủ trên ghế và để bên cạnh 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy S6 màu trắng nên đã lấy rồi đi ra ngoài, điều khiển xe mô tô theo Quốc lộ 45 hướng ra thành phố Thanh Hóa để tìm nơi tiêu thụ; Trên đường đi, V đã dừng lại ven đường tìm 01 chiếc que sắt dài khoảng vài centimet (theo V khai) rồi sử dụng để tháo 02 sim trên 02 chiếc điện thoại di động vừa lấy được vứt sim đi rồi tiếp tục đi ra thành phố Thanh Hóa; Tuy nhiên do không biết nơi tiêu thụ nên V đã điều khiển xe máy về nhà ở xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, trả xe mô tô cho chị N. Đến chiều ngày 11/4/2019 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, không thể che giấu, do vậy V đã tới Công an huyện Nông Cống để đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 02 chiếc điện thoại đã lấy trộm được cùng ngày.

Theo báo cáo của chị Lê Thị G, chiếc điện thoại bị mất là điện thoại di động Sam sung Galaxy J7 màu đen, số IMEI 355726096392197 do chị mua được khoảng gần 01 năm, với giá 5.000.000 đồng, tại thời điểm bị mất, giá trị còn khoảng 3.000.000 đồng; Bên trong lắp sim số 0972.241.264 do chị mua với giá 50.000 đồng.

Theo báo cáo của chị Nguyễn Thị V1, chiếc điện thoại chị bị mất là điện thoại di động Sam sung Galaxy S6 màu trắng, số IMEI 357558066260296 do chị mua được khoảng 04 tháng, với giá 4.800.000 đồng, tại thời điểm bị mất giá trị khoảng 3.000.000 đồng; bên trong lắp sim số 0979.368.624 do chị mua cùng với chiếc điện thoại với giá 50.000 đồng.

Ngày 13/4/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã tiến hành định giá đối với 02 chiếc điện thoại di động trên cùng sim, kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu đen, số IMEI 355726096392197, có trị giá 3.000.000 đồng (01 sim điện thoại, số 0972.241.264 giá 25.000 đồng);

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S6 màu trắng, số IMEI 357558066260296, có trị giá 3.000.000 đồng (01 sim điện thoại, số 0979.368.624 giá 25.000 đồng); tổng giá trị bị thiệt hại là 6.050.000 đồng.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản, ngày 14/4/2019 cơ quan CSĐT đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thế V về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS để tiến hành điều tra theo quy định;

Khi được thông báo về chiếc xe mô tô BKS: 36B4 - 526.12 là xe do V sử dụng để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, vào ngày 16/4/2019 chị Nguyễn Thị N đã giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống để giải quyết theo quy định; Theo báo cáo của chị N, chiếc xe mô tô, BKS: 36B4 - 526.12 chị cho V mượn vào ngày 11/4/2019 là xe của chị do chị mua lại vào tháng 9 năm 2018 tại cửa hàng ô tô - xe máy AT, địa chỉ 179 - 185 Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa với giá là 12.750.000 đồng, đăng ký xe hiện mang tên Lê Thị B1, địa chỉ: thôn 4, xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (chị B1 đã bán chiếc xe mô tô trên cho cửa hàng ô tô - xe máy AT); Vào ngày 16/4/2019 cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống đã có công văn gửi tới Phòng PC01 - Công an tỉnh Thanh Hóa đề nghị cung cấp thông tin đối với xe mô tô trên có phải là vật chứng của vụ án hình sự hay không. Ngày 19/4/2019 Phòng PC01 - Công an Thanh Hóa có kết quả trả lời: Không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Ngày 19/4/2019 cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống ra quyết định xử lý vật chứng đối với 02 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime của chị Lê Thị G và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S6 của chị Nguyễn Thị V1 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Cùng ngày, chị G và chị V1 đã nhận lại chiếc điện thoại của mình và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với Nguyễn Thế V về phần dân sự (kể cả sim điện thoại bị mất).

Vào ngày 06/5/2019 cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống cũng đã ra quyết định xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô, BKS: 36B4-526.12 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, cùng ngày, chị N đã nhận lại chiếc xe mô tô trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSNC ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thế V về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và tuyên phạt các bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thế V từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (11/4/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Thế V.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với hai chiếc điện thoại di động, cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật; đối với chiếc xe mô tô bị cáo đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản thấy rằng khi chị N cho bị cáo mượn sử dụng không biết bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thế V:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 11/4/2019 Nguyễn Thế V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen trị giá 3.000.000đ kèm một sim số 0972.241.264 có giá trị 25.000đ của chị Lê Thị G và trộm cắp một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu trắng, trị giá 3.000.000đ, kèm một sim số 0979.368.624 trị giá 25.000đ của chị Nguyễn Thị V1. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là 6.050.000đ.

Sau đó do nhận thức được hành vi phạm tội của mình, Nguyễn Thế V đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống để tự thú và giao nộp các tài sản đã chiếm đoạt của chị G và chị V1.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an trên địa bàn, làm người dân không an tâm trong việc quản lý tài sản của mình. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời góp phần giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 9 tháng tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tự sửa chữa, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội mà đến năm 2016 tiếp tục phạm tội trộm cắp và tại bản án số 20/2017/HSST ngày 14/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt Nguyễn Thế V 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đến ngày 04/5/2017 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Đến ngày 11/4/2019, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp một chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000đ của chị G và trộm cắp một chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000đ của chị V1. Vì vậy bị cáo một lần nữa tiếp tục phạm tội và thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự: tái phạm và phạm tội từ 2 lần trở lên được quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần phải lên cho bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là sau khi phạm tội, khi chưa bị phát giác, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống để giao nộp tài sản trộm cắp và khai báo hành vi phạm tội của mình thuộc trường hợp tự thú được quy định tại điểm r khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự và bị cáo đã được người bị hại là chị G và chị V1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm

thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện môi trường cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS.

Đối với hình phạt bổ sung, bị cáo là người làm ruộng, thu nhập không ổn định, vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động cho chị G và chị V1 là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô bị cáo đã mượn của chị N để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, khi bị cáo mượn xem mô tô, bị cáo không cho chị N biết việc bị cáo sẽ sử dụng vào việc trộm cắp và chị N cũng không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc trộm cắp tài sản, vì vậy việc Cơ quan Điều tra Công an huyện Nông Cống trả lại chiếc xe mô tô đã thu giữ cho chị N là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Nguyễn Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Thế V 14(Mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (11/4/2019).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thế V phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt người bị hại. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS Nông Cống;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Võ Kỳ Anh